

Bản án số: 265/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long.

Ông Ngô Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh ngày 04/4/1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Công ty luật TNHH MA do ông Trần Văn Đ, chức vụ: Giám đốc công ty đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: Tổ A, khu H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/8/1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày (Có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản):

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/4/2012 tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có cùng quan điểm từ cách sống, sinh hoạt và không thống nhất với nhau trong làm ăn kinh tế và tài chính của gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 nhưng vì thương con nên chị tiếp tục về chung sống cùng với anh T đến tháng 9 năm 2018. Tháng 02 năm 2019 chị đi lao động tại Nhật Bản, quá trình liên lạc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng chị không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23/01/2015, hiện nay con chung đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu V và cháu A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2023, anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn ngày 17/4/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau đến năm 2018 thì xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019 chị H đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng anh thỉnh thoảng liên lạc với nhau đến cuối năm 2019 thì chấm dứt liên lạc với nhau. Tháng 01 năm 2023 chị H về nước nghỉ phép nhưng không về chung sống cùng với anh, anh và gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, lý do anh không đồng ý là vì anh thương các con, anh không muốn vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23/01/2015, hiện con chung đang sống cùng với anh. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu V và cháu A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2013 cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/01/2013 và cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23/01/2015 trình bày:

Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng bố Nguyễn Xuân T tại bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nếu bố mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng được chung sống cùng với bố (Nguyễn Xuân T).

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Xuân T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trịnh Thị H; biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Xuân T, cháu Nguyễn Tường V, cháu Nguyễn Trâm A và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.

Về hôn nhân: xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/01/2013 và cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23/01/2015 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị H hiện đang lao động tại Nhật Bản, bị đơn anh Nguyễn Xuân T có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Xuân T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị H với anh Nguyễn Xuân T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có cùng quan điểm về cách sống và sinh hoạt hằng ngày, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị H xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn với lý do vì thương các con. Tuy nhiên, chị H và anh T được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng không đạt kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/01/2013 và cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23/01/2015. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh T và do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H và anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị H đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Con chung đang sinh sống cùng anh T, các cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra con chung trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với anh T nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và anh T, giao cháu V và Trâm Anh cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với tình hình thực

tế và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Trịnh Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Trịnh Thị H về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[8.2] Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23/01/2015 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Trịnh Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000835 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền